

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DS-PT

Ngày: 21-6-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
thế chấp tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 5 và ngày 14, 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn P, sinh năm 1955. Địa chỉ: đường L, ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 17-6-2020) (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị S, sinh năm 1955 và bà Lê Thị N, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: đường N, phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 20-8-2020) (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Mỹ P. Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bà Trần Thị Kim P2. Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Mỹ P, Trần Thị Kim P2: Ông Phan Văn P, sinh năm 1955. Địa chỉ: Địa chỉ: đường L, ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Theo các văn bản ủy quyền ngày 18-9-2020 và ngày 29-10-2020) (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn P trình bày:**

Vào ngày 28-12-2019, bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N có cầm cố cho bà Đinh Thị Ngọc H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 483359, thửa số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích 101m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà Bùi Thị S đứng tên, được cấp vào ngày 07-5-2018 để vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay tiền nêu trên thì bà N có viết “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019”, bà S và bà N ký tên, lấn tay, cũng như giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S cho bà H giữ. Nhưng khi đến thời hạn thanh toán một tháng thì phía bà S và bà N không trả lại số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi như đã thỏa thuận.

Nay bà H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu xem xét, giải quyết: *Buộc bị đơn bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng và tiền lãi 05 tháng 15 ngày x 01%/tháng (tính từ ngày 28-12-2019) với số tiền là 44.000.000 đồng, tổng cộng là 844.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Bùi Thị S.*

*** Theo đơn phản tố ngày 26-8-2020 của bị đơn bà Bùi Thị S, bà Lê Thị N, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Lý Bình Đ trình bày:**

Ngày 15-12-2019, bà Lê Thị N có hỏi nhờ bà Trương Thị Mỹ P là bà con cô cậu với chồng bà N kiếm người thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, nên bà Mỹ P kêu bà N lấy giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị S để bà hỏi vay dùm số tiền 800.000.000 đồng. Đến ngày 28-12-2019, bà Trương Thị Mỹ P kêu bà N lấy giấy viết giấy cầm cố, nội dung do bà P đọc, có cầm cố cho bà Đinh Thị Ngọc H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị S đứng tên nêu trên, với số tiền cầm cố là 800.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn cầm một tháng chuộc lại. Sau khi bà N viết giấy cầm cố xong, bà S và bà N ký tên, lấn tay vào và giao cho bà P thì bà P nói sẽ đưa tiền trong ngày 29-12-2019, nhưng qua ngày 29-12-2019

thì bà P nói số tiền vay lớn kêu phải đi công chứng hợp đồng vay tiền với bà Trần Thị Kim P2 mới giao tiền.

Đến ngày 16-01-2020, bà S, bà N, bà Trần Thị Kim P2 và bà Trương Thị Mỹ P hẹn nhau tại Phòng Công chứng T tại phường 6, thành phố S để làm hợp đồng vay tài sản và công chứng nhưng do bà S không có giấy xác nhận độc thân nên không làm hợp đồng và công chứng được nhưng đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho bà Trần Thị Kim P2 giữ để ngày 17-01-2020 đến Ủy ban nhân dân thị trấn C làm giấy xác nhận độc thân cho bà S để làm hợp đồng vay tiền theo yêu cầu của Phòng công chứng. Đến ngày 17-01-2020, bà S, bà N, bà Kim P2 và bà Mỹ P cùng đến ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành làm giấy xác nhận độc thân thì bà S, bà N yêu cầu bà Mỹ P và bà Kim P2 phải giao số tiền vay 800.000.000 đồng nhưng bà P và bà P2 không đồng ý, nên bà S không làm giấy xác nhận độc thân để làm thủ tục công chứng vay tiền và yêu cầu bà Mỹ P giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu nhưng bà Mỹ P không trả.

Bà S đã nhiều lần đến gặp bà Mỹ P để đòi lại giấy tờ nhưng bà Mỹ P không trả. Ngày 20-4-2020, bà S làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp T, thị trấn C giải quyết vụ việc. Đến ngày 23-4-2020, khi Ban nhân dân ấp giải quyết vụ việc tranh chấp thì bà Trần Thị Kim P2 giao trả cho bà S giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không giao trả cho bà S.

Đối với nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H thì bị đơn bà S, bà N hoàn toàn không biết bà H là ai, ở đâu cho đến khi bị khởi kiện ra Tòa án thì mới biết bà Mỹ P và bà Kim P2 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S và Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019 cho bà H để khởi kiện bà S, bà N. Vì vậy, bị đơn bà S, bà N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: *Buộc nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị S đứng tên nêu trên, do thực tế bà H không có giao số tiền vay 800.000.000 đồng cho bà S và bà N.*

*** Theo Tờ tường trình ngày 14-9-2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ P, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Mỹ P là ông Phan Văn P trình bày:**

Việc bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị Ngọc H để vay số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 28-12-2019 thì bà Trương Thị Mỹ P hoàn toàn không biết, bà P không có chứng kiến việc thỏa thuận, giao dịch cầm cố giữa hai bên, nên vụ việc tranh chấp giữa bà S, bà N với bà H hoàn toàn không liên quan đến bà P, nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định bà P không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*** Theo Văn bản ngày 21/9/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim P2, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa**

người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim P2 là ông Phan Văn P trình bày:

Bà Bùi Thị S, bà Lê Thị N có nhờ bà Trần Thị Kim P2 cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà P2 giới thiệu bà S, bà N cho bà Đinh Thị Ngọc H nhận cầm cố và cho vay. Đến ngày 28-12-2019, bà Kim P2 cùng với bà H đến nhà bà S, bà N thỏa thuận nhận cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S với số tiền 800.000.000 đồng. Sau khi hai bên thỏa thuận, thống nhất thì phía con bà S là bà N viết giấy cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận nợ, bà S và bà N ký tên, lấn tay vào và bà H đã giao số tiền mặt 800.000.000 đồng cho bà S và bà N, đồng thời bà S và bà N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho bà H giữ, vụ việc thỏa thuận cầm cố và giao nhận số tiền cho vay 800.000.000 đồng chỉ có hai bên bà H và bà S, bà N, cũng như bà P2 chứng kiến, ngoài ra không có ai khác, không có liên quan đến bà Trương Thị Mỹ P.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 327, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1./ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H đối với bị đơn bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N, về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay và tiền lãi 844.000.000 đồng.

2./ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị S, bà Lê Thị N đối với nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H.

Buộc bà Đinh Thị Ngọc H có nghĩa vụ giao trả cho bà Bùi Thị S bản chính 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Bùi Thị S đứng tên, được cấp vào ngày 07/5/2018, số CI 483359, số vào sổ cấp GCN: CS 03526. Quyền sử dụng đất có diện tích 101m², thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

* Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 29-01-2021 nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N; buộc bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N trả

cho bà H số tiền nợ gốc là 844.000.000đ (trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000đ và tiền lãi là 44.000.000đ), khi các bị đơn trả xong tiền nợ cho bà H thì bà H sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan. Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Ngọc H và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Xét Đơn kháng cáo ngày 29-01-2021 của nguyên đơn Đinh Thị Ngọc H là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng và tiền lãi 05 tháng 15 ngày x 01%/tháng (tính từ ngày 28-12-2019) với số tiền là 44.000.000 đồng, tổng cộng là 844.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Bùi Thị S. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cung cấp cho Tòa án “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” có nội dung bà Bùi Thị S là người sở hữu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và con là bà Lê Thị N có cầm cố cho bà Đinh Thị Ngọc H với số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 3% 01 tháng kể từ ngày 28-12-2019 trong vòng một tháng bà S và bà N sẽ hoàn trả số tiền nói trên cho bà H, phía dưới có bị đơn bà Bùi Thị S, bà Lê Thị N ký tên, lẫn tay (*Bút lục số 69*).

[3] Nguyên đơn bà H cho rằng đã giao đủ số tiền 800.000.000 đồng cho bà S, bà N có sự chứng kiến của bà Trần Thị Kim P2, đồng thời bà S, bà N đã giao “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” cùng bản chính 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Bùi Thị S đứng tên, được cấp vào ngày 07-5-2018, số CI 483359, số vào sổ cấp GCN: CS 03526. Quyền sử dụng đất có diện tích 101m², thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho bà H cùng ngày 28-12-2019. Các bị đơn bà S, bà N thừa nhận có viết “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” và ký tên lẫn tay nhằm mục đích vay tiền nhưng thỏa thuận giao dịch vay tiền, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giữa bà S, bà N với bà Trần Thị Kim P2 thông qua bà Trương Thị Mỹ P, không biết bà H, không có thỏa thuận vay tiền, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà H, cũng như phía bà P2 và bà H không có giao số tiền cho vay 800.000.000 đồng cho bà S, bà N. Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S và “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” do bà N viết bị bà P2 giữ là do phía bà P2 cho rằng số tiền cho vay rất lớn nên phải làm hợp đồng công chứng, nên sau đó hai bên thỏa thuận đến Văn phòng Công chứng T– Tại Phường 6, thành phố S để làm hợp đồng vay tài sản nhưng không thực hiện được việc công chứng do bà S không có giấy xác nhận độc thân nên giao dịch không thực hiện được và bà S, bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị Ngọc H giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị S đứng tên nêu trên, do thực tế bà H không có giao số tiền vay 800.000.000 đồng cho bà S và bà N.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn Đinh Thị Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thấy rằng, tại thời điểm giao dịch các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phía bà S, bà N cũng thừa nhận có viết “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” và ký tên, lẫn tay nên việc bà S, bà N viết “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” nhằm mục đích vay tiền và để đảm bảo khoản vay là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Phía bà S, bà N cho rằng chưa nhận được số tiền 800.000.000 đồng và chỉ có giao dịch với bà Trần Thị Kim P2 thông qua giới thiệu của bà Mỹ P chứ không biết bà Đinh Thị Ngọc H là ai. Đồng thời, việc bà Kim P2 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S đứng tên là vì bà Kim P2 cho rằng số tiền cho vay rất lớn nên phải làm hợp đồng công chứng, nên sau đó hai bên thỏa thuận đến Văn phòng Công chứng T– Tại Phường 6, thành phố S để làm hợp đồng vay tài sản. Xét thấy, phía bà S cho rằng không biết bà H là ai và chỉ giao dịch với bà Kim P2 nhưng tại sao trong “Giấy cầm cố quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019” lại cầm cố quyền sử dụng đất cho bà H. Mặt khác, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là vào ngày 16-01-2020 các bên có đến Văn phòng Công chứng T– tại Phường 6, thành phố S để làm hợp đồng vay tài sản đồng thời người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn có cung cấp bản thảo hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị Kim P2 và bà

Bùi Thị S. Phía bị đơn cho rằng bà N đã đồng ý với tất cả các điều khoản trong hợp đồng, bà N chỉ có thắc mắc là tại sao trong hợp đồng lại ghi bên cho vay là bà Trần Thị Kim P2 và do bà Bùi Thị S không có giấy xác nhận độc thân nên các bên chưa ký hợp đồng. Thấy rằng, lời trình bày của phía bị đơn bà S, bà N có sự mâu thuẫn. Hơn nữa, trong bản thảo của hợp đồng tại Điều 2 thể hiện thời hạn vay là tính từ ngày 28-12-2019, trong khi phía bị đơn cho rằng vào ngày 16-01-2020 các bên đến văn phòng công chứng T để hoàn thành thủ tục vay theo yêu cầu của bà P2 để phía bà P2 giao tiền cho các bị đơn, vậy tại sao bà N lại đồng ý thời hạn vay là tính từ ngày 28-12-2019 mà không phải là ngày 16-01-2020. Từ đó cho thấy, phía bị đơn đã nhận được số tiền 800.000.000 đồng của nguyên đơn vào ngày 28-12-2019 nên bị đơn mới đồng ý điều khoản về thời hạn vay trong hợp đồng là kể từ ngày 28-12-2019.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn cũng không chứng minh được lời trình bày của mình về việc không nhận số tiền vay 800.000.000 đồng nhưng lại ký tên, lấn tay vào giấy cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận nợ ngày 28-12-2019 và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà S đứng tên cho phía nguyên đơn giữ. Do đó, việc phía bị đơn nói rằng chưa nhận số tiền vay 800.000.000 đồng là không có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi đối với số tiền vốn vay 800.000.000 đồng nêu trên với lãi suất 01%/tháng, thời gian là 05 tháng 15 ngày tính từ ngày 28-12-2019 với số tiền 44.000.000 đồng. Xét thấy, mức lãi suất trên cũng không vượt mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N có trách nhiệm trả phần tiền lãi 44.000.000 đồng này cho nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H.

[8] Đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn về việc buộc bà Đinh Thị Ngọc H có nghĩa vụ giao trả cho bà Bùi Thị S bản chính 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Bùi Thị S đứng tên, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 07-5-2018, số CI 483359, số vào sổ cấp GCN: CS 03526. Quyền sử dụng đất có diện tích 101m², thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, tại đơn kháng cáo phía nguyên đơn bà H trình bày khi các bị đơn trả xong tiền nợ cho bà H thì bà H sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị S.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Do kháng cáo của bà Đinh Thị Ngọc H được chấp nhận nên người kháng cáo bà H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều

148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do án sơ thẩm bị sửa nên phần án phí dân sự sơ thẩm cũng được xác định lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 317, Điều 318, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H.

Buộc bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đinh Thị Ngọc H số tiền vốn vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng), tổng cộng vốn và lãi 844.000.000đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị S, bà Lê Thị N về việc yêu cầu nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H giao trả bản chính 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Bùi Thị S đứng tên, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 07-5-2018, số CI 483359, sổ vào sổ cấp GCN: CS 03526. Quyền sử dụng đất có diện tích 101m², thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Đinh Thị Ngọc H có nghĩa vụ giao trả cho bà Bùi Thị S bản chính 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Bùi Thị S đứng tên, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 07-5-2018, số CI 483359, sổ vào sổ cấp GCN: CS 03526. Quyền sử dụng đất có diện tích 101m², thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.320.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005203 ngày 17-7-2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H được nhận lại số tiền 19.020.000 đồng (Mười chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005203 ngày 17-7-2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Bị đơn bà Bùi Thị S và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.320.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó, bà S phải chịu là 18.660.000 đồng, do bà S là người cao tuổi và có yêu cầu miễn nộp án phí thuộc trường hợp miễn án phí được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà S được miễn nộp án phí sơ thẩm. Bà S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005256 ngày 28-8-2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng; bà Lê Thị N phải chịu là 18.660.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005257 ngày 28-8-2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị N còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 18.360.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Đinh Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008533 ngày 29-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Hữu